|  |
| --- |
|  |

**ĐIỀU LỆ**

CÔNG TY TNHH…………………………………..

Căn cứ vào:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 (sau đây ghi là Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: Hình thức

Công ty được thành lập theo loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty là một tổ chức pháp nhân trong đó có các Thành viên công ty cùng góp vốn, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chia lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp.

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng.

ĐIỀU 2: Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, con dấu của Công ty

1. Tên Công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH………..

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: …………….

Tên công ty viết tắt:………………………………….

2. Địa chỉ Trụ sở chính: …………………..

Điện thoại: .............. Fax: …………….

Email: ……………... Website: ………..

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài, thành lập liên doanh khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật.

4. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.

5. Hội đồng thành viên công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty. Công ty quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3: Quyền và nghĩa vụ của Công ty

1. Quyền của Công ty

a) Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.

b) Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.

c) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

d) Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

e) Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.

f) Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

g) Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

h) Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

i) Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

k) Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

m) Quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Công ty

a) Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đang ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

c) Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

d) Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

e) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

f) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

ĐIỀU 4: Ngành, nghề kinh doanh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành nghề kinh doanh chính (đánh dấu x vào dòng tương ứng) |
| 1 | ………. | …….. |  |

*(Doanh nghiệp ghi ngành nghề và chi tiết ngành nghề theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam)*

ĐIỀU 5: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ: ……………VNĐ (bằng chữ:….)

2. Loại tài sản góp vốn: Tiền mặt

3. Thời hạn góp vốn điều lệ: trong vòng 90 ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết. Thành viên công ty chỉ được góp vốn cho công ty bằng loại tài sản khác với tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số thành viên còn lại.

Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết thì xử lý theo quy định tại Điều 47 Luật Doanh nghiệp.

4. Thay đổi vốn điều lệ:

a) Tăng vốn điều lệ:

Công ty có thể tăng vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

- Tăng vốn góp của thành viên;

- Tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới.

Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tạí Điều 52 của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có thành viên không góp hoặc chỉ góp một phần phần vốn góp thêm thì số vốn còn lại qua phần vốn góp thêm của thành viên đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.

b) Giảm vốn điều lệ:

Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

- Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;

- Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 51 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Vốn điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết thì xử lý theo quy định tại Điều 47 Luật Doanh nghiệp.

c) Xử lý phần vốn góp trong một số trường hợp đặc biệt

(i) Trường hợp thành viên công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên công ty.

(ii) Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích thì quyền và nghĩa vụ của thành viên được thực hiện thông qua người quản lý tài sản của thành viên đó theo quy định của pháp luật về dân sự.

(iii) Trường hợp thành viên bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong công ty được thực hiện thông qua người đại diện.

(iv) Phần vốn góp của thành viên được công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Luật Doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- Người thừa kế không muốn trở thành thành viên;

- Người được tặng cho theo quy định tại khoản (vi) Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên;

- Thành viên công ty là tổ chức giải thể hoặc phá sản.

(v) Trường hợp phần vốn góp của thành viên công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

(vi) Trường hợp thành viên tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác thì người được tặng cho trở thành thành viên công ty theo quy định sau đây:

- Người được tặng cho thuộc đối tượng thừa kế theo pháp luật theo quy định của Bộ luật Dân sự thì người này đương nhiên là thành viên công ty;

- Người được tặng cho không thuộc đối tượng thừa kế theo pháp luật theo quy định của Bộ luật Dân sự thì người này chỉ trở thành thành viên công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

(vii) Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai hình thức sau đây:

- Trở thành thành viên công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận;

- Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 52 Luật Doanh nghiệp.

(viii) Trường hợp thành viên công ty là cá nhân bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì thành viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện một số hoặc tất cả quyền và nghĩa vụ của mình tại công ty.

(ix) Trường hợp thành viên công ty là cá nhân bị Tòa án cấm hành nghề, làm công việc nhất định hoặc thành viên công ty là pháp nhân thương mại bị Tòa án cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định thuộc phạm vi ngành, nghề kinh doanh của công ty thì thành viên đó không được hành nghề, làm công việc đã bị cấm tại công ty đó hoặc công ty tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án.

CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN CÔNG TY

ĐIỀU 6: Thành viên công ty

1. ……………… góp ……………… đồng, chiếm ………….... tổng vốn điều lệ.

Giới tính: …….. Dân tộc: …….. Quốc tịch: ……………

Ngày tháng năm sinh: ……………..

Số giấy căn cước công dân/ chứng minh nhân dân: …………… ngày cấp: ………., nơi cấp: …………………………………………………………………………..….

Địa chỉ thường trú: ………………………………………………………………….

Chỗ ở hiện tại: ………………………………………………………….…………...

2. ……………… góp ……………… đồng, chiếm …………….. tổng vốn điều lệ.

Giới tính: …….. Dân tộc: …….. Quốc tịch: …………..

Ngày tháng năm sinh: ……………..

Số giấy căn cước công dân/ chứng minh nhân dân: …………… ngày cấp: ………., nơi cấp: …………………………………………………………..………………….

Địa chỉ thường trú: ………………..…………………………………………………

Chỗ ở hiện tại: …………………………………………………………...……….….

Công ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Sổ đăng ký thành viên có thể là văn bản giấy, tập hợp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin sở hữu phần vốn góp của các thành viên công ty; nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 48 Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 7: Quyền và nghĩa vụ của thành viên công ty:

1. Thành viên Hội đồng thành viên có các quyền sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

b) Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 của Luật Doanh nghiệp;

c) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

d) Được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản;

đ) Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn điều lệ;

e) Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và hình thức khác theo quy định của pháp luật;

g) Tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật Doanh nghiệp.

2. Thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;

b) Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;

c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và tài liệu khác của công ty;

d) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp công ty có một thành viên sở hữu trên 90% vốn điều lệ thì các thành viên còn lại đương nhiên có quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Thành viên Công ty có nghĩa vụ sau:

a) Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 47 Luật Doanh nghiệp.

b) Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các điều 51, 52, 53 và 68 của Luật Doanh nghiệp.

c) Tuân thủ Điều lệ công ty.

d) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;

- Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC – QUẢN LÝ – HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 8: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty

Công ty được tổ chức và quản lý theo mô hình: Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc.

ĐIỀU 9: Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

a) Công ty có 01 người là người đại diện theo pháp luật;

b) Chức danh của người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc. Các giấy tờ giao dịch phải ghi rõ điều đó.

c) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải có mặt tại Việt Nam. Nếu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp vắng mặt tại Việt Nam quá quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì chủ sở hữu công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

d) Trường hợp người đại diện theo pháp luật của Công ty xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản Điểm c Khoản 1 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người này trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng thành viên quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

e) Nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm bình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.

2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

a) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

- Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định nêu trên.

ĐIỀU 10: Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của công ty, bao gồm tất cả thành viên công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên công ty là tổ chức, ít nhất mỗi năm phải họp một lần.

2. Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn; quyết định phát hành trái phiếu;

c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty; giải pháp phát hiển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;

d) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản và hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;

e) Quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty;

h) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

i) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;

k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

l) Quyết định tổ chức lại công ty;

m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

n) Quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty.

ĐIỀU 11: Chủ tịch hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;

c) Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;

d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

đ) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

ĐIỀU 12: Giám đốc

1. Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc các đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

b) Là cá nhân có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm về quản lý, về ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

3. Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;

b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;

e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;

g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

h) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;

i) Kiến nghị phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Tuyển dụng lao động;

l) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, hợp đồng lao động.

ĐIỀU 13: Người đại diện theo ủy quyền của công ty

1. Người đại diện theo ủy quyền của công ty phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

đ) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty và của người đại diện theo ủy quyền.

4. Người đại diện theo ủy quyền phải không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

5. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền

a) Nhân danh công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của công ty cử đại diện.

c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước công ty cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

ĐIỀU 14: Bộ máy giúp việc

1. Giúp việc Giám đốc có 1 Phó giám đốc. Phó giám đốc điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, trước Hội đồng thành viên Công ty, Chủ tịch Hội đồng thành viên và pháp luật về nhiệm vụ được giao thực hiện .

2. Kế toán trưởng Công ty giúp Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 15: Quản lý lao động

1. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty theo chế độ Hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam, Nội quy lao động và Quy chế lương thưởng của Công ty.

2. Giám đốc Công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với công việc và theo quy chế do Hội đồng thành viên thông qua.

ĐIỀU 16: Điều kiện và thể thức tiến hành họp, ghi biên bản họp và ban hành nghị quyết, quyết định của hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết, quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ công ty;

b) Quyết định phương hướng phát triển công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc;

d) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Điều kiện và thể thức tiến hành họp hội đồng thành viên

a) Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 65% vốn điều lệ trở lên.

b) Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc triệu tập họp Hội đồng thành viên được thực hiện như sau:

- Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;

- Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.

- Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên.

- Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chuông trình họp trong thời hạn dự kiến thì có thể kéo dài nhưng không được quá 30 ngày kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.

3. Biên bản họp hội đồng thành viên

a) Cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.

b) Biên bản họp Hội đồng thành viên phải thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 60 Luật Doanh nghiệp.

c) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng thành viên tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm b khoản 3 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đổng thành viên.

4. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên

a) Hội đồng thành viên thông qua các Nghị quyết, Quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

- Quyết định phương hướng phát triển Công ty;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc.

- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

- Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.

c) Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp khi:

- Được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản gạch đầu dòng dưới đây;

- Đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty, tổ chức lại, giải thể Công ty thì phải được số phiếu đại diện cho ít nhất 75% số vốn của các thành viên dự họp chấp thuận.

d) Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

e) Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu ít nhất 65% vốn Điều lệ tán thành.

ĐIỀU 17: Hợp đồng, giao dịch trong hoạt động của công ty.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:

a) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty;

b) Người có liên quan của người quy định tại điểm a khoản này;

c) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

d) Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này.

2. Người nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo và thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 59 của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng thành viên có liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó tham gia hợp đồng, giao dịch phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG IV : TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ĐIỀU 18: Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm đó.

2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của Pháp lệnh kế toán, thống kê và các hướng dẫn của Bộ tài chính.

3.Việc thu chi tài chính của Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp luật.

Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật

ĐIỀU 19: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty

1. Công ty trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

ĐIỀU 20: Phân chia lợi nhuận của công ty và phương án xử lý lỗ trong kinh doanh

1. Lợi nhuận thu được sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, trả lãi tiền vay, nộp phạt (nếu có), (sau đây gọi là “Lợi nhuận thuần”), được trích lập các quỹ và phân chia cho các thành viên. Giám đốc dự kiến phương án phân phối thu nhập của Công ty. Phương án này phải đưa ra Hội đồng thành viên bàn bạc quyết định.

Các quỹ được trích lập bao gồm:

- Quỹ tích lũy để mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Quỹ dự trữ đề phòng các trường hợp bất trắc xẩy ra, đảm bảo cho kinh doanh tiến hành bình thường (phải trích 5% Lợi nhuận thuần hàng năm để nhập quỹ dự trữ bắt buộc cho đến lúc bằng 25% vốn điều lệ Công ty).

- Quỹ phúc lợi tập thể.

Tỷ lệ trích lập quỹ nói trên và việc chia lãi tương ứng phần góp vốn của các Thành viên do Hội đồng thành viên bàn bạc, quyết định.

2. Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Hội đồng thành viên có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.

- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Hội đồng thành viên phải quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG V : GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ, GIẢI THỂ,

THANH LÝ, PHÁ SẢN

ĐIỀU 21: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi có tranh chấp nội bộ, Công ty có thể giải quyết trên phương thức tự thoả thuận nội bộ, nếu không được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

2. Khi có tranh chấp bên ngoài, Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của Công ty sẽ đại diện cho Công ty trước pháp luật.

ĐIỀU 22: Giải thể công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- Theo quyết định của Hội đồng thành viên.

- Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục.

- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Công ty thực hiện thủ tục giải thể doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.

ĐIỀU 23: Thanh lý tài sản

1. Hội đồng thành viên công ty lập Tổ thanh lý tài sản công ty và quyết định thành viên của Tổ thanh lý tài sản.

\* Quyền của Tổ thanh lý tài sản:

- Kiểm kê, xác định số lượng tài sản hiện có của Công ty.

- Lập danh sách chủ nợ và số nợ phải trả (nếu có).

\* Nghĩa vụ của Tổ thanh lý tài sản:

- Quản lý tài sản của Công ty.

- Tiến hành phân loại tài sản.

- Thanh lý hợp đồng của Công ty đối với tài sản thuê, mượn, nhận giữ hộ, ký gửi.

- Thanh lý tài sản thuộc quyền sở hữu của Công ty.

2. Sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính, trả các khoản nợ (nếu có) số tài sản còn lại sẽ được chia cho tất cả các thành viên của Công ty theo tỷ lệ phần vốn góp.

ĐIỀU 24: Phá sản

Việc phá sản công ty được thực hiện theo thủ tục pháp lý về luật phá sản Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐIỀU 25: Đối tượng và nguyên tắc áp dụng

1. Điều lệ này được áp dụng cho Công ty. Mọi nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh điều lệ này.

2. Các nội dung khác không quy định tại Điều lệ này được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và quy định của pháp luật khác có liên quan.

ĐIỀU 26: Sửa đổi bổ sung

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Hội đồng thành viên Công ty.

ĐIỀU 27: Hiệu lực

Điều lệ này được lập thành 6 chương, 27 điều và được các Thành viên Công ty thông qua và ban hành ngày…. tháng…năm …..

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ký.

|  |
| --- |
| CÁC THÀNH VIÊN CỦA CÔNG TY  *(Từng thành viên ký và ghi rõ tên, nếu thành viên là tổ chức thì người đại diện theo pháp luật của tổ chức đó ký tên)* |